

Bản án số: 02/2024/DS-PT
Ngày 04 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn.

Bà Lê Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2023/QĐXX-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 779/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Đình T - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số E V, K, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Quốc T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Dương Quang H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1970 (vợ của anh T1); Địa chỉ: Thôn Ó, xã

T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị H1: Anh Dương Quốc T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

2 - Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin vắng mặt)

3 - Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

4 - Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin vắng mặt)

5 - Chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin vắng mặt)

6 - Anh Hoàng Xuân H3, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Ó, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin vắng mặt)

7 - Chị Hoàng Thị Út L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng. (Có đơn xin vắng mặt)

8 - Ủy ban nhân dân xã T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T3- Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H4- Chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã T. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị M - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều trình bày:

Bà M có chồng là ông C (ông C đã chết năm 2020) có tài sản là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1 diện tích 15.000 m², giấy chứng nhận số 01231, UBND huyện Y cấp ngày 20/5/1997, tên người sử dụng đất ông Hoàng Văn C1. Quá trình sử dụng đất bà M bị anh T1 đã lấn chiếm khoảng 5.000m² đất, nay Tòa án thẩm định, đo đạc xác định được diện tích bị lấn chiếm là 3.731,8m² và các tài sản trên đất 1050 cây quế đường kính 5cm x 42.000đ/1 cây = 44.100.000đ, 450 cây quế đường kính 10 cm x 85.000đ/1 cây = 38.250.000đ, 23 cây gỗ mỡ đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 1.368.500đ, 05 cây gỗ trám đường kính từ 5- 10 cm x 283.000đ/1 cây = 1.415.000đ, 07 cây gỗ Lem đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 416.500đ, tổng trị giá là: 85.550.000đ (T4 mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay đề nghị Tòa án buộc anh T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H1 phải thu hoạch tài sản trên đất và trả lại mặt bằng cho bà M diện tích 3.731,8m².

Bị đơn anh T1 và người đại diện theo ủy quyền của anh T1 đều trình bày: Diện tích đất nêu trên anh T1 mua của chị Hoàng Thị T2 năm 2008 và là tài sản chung của anh T1 và vợ là chị H1 nên anh chị có quyền sử dụng, anh xác định diện tích đất nêu trên không nằm trong giấy chứng nhận của gia đình bà M và ông C1,

còn các sản trên đất đã được thẩm định định giá như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng, đại diện bị đơn có quan điểm nếu diện tích đất nêu trên mà Tòa án buộc anh T1 và chị H1 phải trả cho bà M thì đề nghị Tòa án giao toàn bộ tài sản cho bà M sử dụng và thanh toán tiền cho anh T1 chị H1 theo giá đã được Hội đồng định giá xác định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T2 vắng mặt, nhưng đã có lời khai trình bày trong hồ sơ vụ án có nội dung: Vào thời điểm năm 2008 do hoàn cảnh khó khăn chị có canh tác trồng trọt trên diện tích đất mà hiện nay bà M đang tranh chấp với anh T1 chị H1, nguồn gốc diện tích đất chị canh tác là của ông C1 và bà M (Chị T2 là em gái ông C1 nên chị T2 làm nhờ), nhưng do khi đó chị nợ tiền của Hội Nông dân do anh T1 đại diện cho vay, anh T1 bảo chị là đã hết thời hạn nên phải trả số tiền vay, anh T1 đã ép chị ký bán diện tích đất nêu trên cho anh T1, anh T1 trả thay cho chị số tiền vay là 3.000.000đ và lãi xuất, khi ký giấy bán diện tích đất trên cho anh T1 và suốt từ đó đến nay chị không nói cho bà M và gia đình biết chỉ khi đến Tòa án thì chị mới nói sự thật là chị bị anh T1 ép ký vào giấy bán diện tích đất đó thì bà M và gia đình mới biết. Nay bà M khởi kiện anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật, còn việc chị bị ép bán đất cho anh T1 nếu sai chị chịu trách nhiệm với anh T1, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc chị bị ép bán đất cho anh T1 trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị H1 (Chị H1 là vợ anh T1) chị H1 ủy quyền cho anh T1. Tại phiên tòa và các lời khai trong hồ sơ người đại diện theo uỷ quyền của chị H1 là anh T1 trình bày: Chị H1 không nhất trí trả lại diện tích đất trên cho bà M vì anh T1 chồng chị đã mua của chị T2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị X trình bày: Ngoài việc chị là đại diện cho bị đơn thì chị là con đẻ của bà M ông C1 và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị không yêu cầu giải quyết gì về quyền lợi, nếu bà M khởi kiện đúng đề nghị Tòa án buộc anh T1 chị H1 trả lại diện tích đất trên cho bà M được quyền sử dụng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Hoàng Thị A, chị Hoàng Thị H2, anh Hoàng Xuân H3 và chị Hoàng Thị Út L đều là con bà M ông C1, hôm nay đều vắng mặt nhưng đều đã có lời khai trình bày trong hồ sơ vụ án có nội dung: Các anh chị không yêu cầu giải quyết gì về quyền lợi, nếu bà M khởi kiện đúng đề nghị Tòa án buộc anh T1 chị H1 trả lại diện tích đất trên cho bà M được quyền sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án UBND xã T do ông Trần Văn H4 đại diện theo uỷ quyền vắng mặt, nhưng đã có lời khai trình bày trong hồ sơ vụ án có nội dung: Diện tích đất tranh chấp giữa bà M và anh T1, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Y cấp cho ông Hoàng Văn C1, nay đang thuộc quyền sử dụng của bà M, UBND xã chưa được tiếp nhận hồ sơ thủ tục gì của các đương sự (Bà M, chị T2 anh T1) về việc tặng cho hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó; Nay các đương sự có tranh chấp, đề nghị Tòa án giải

quyết theo pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của các đương sự; UBND xã T không yêu cầu giải quyết gì về quyền lợi.

- Quá trình giải quyết vụ án, ngoài các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng các biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản:

+ Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá của Hội đồng định giá xác định tại thực địa diện tích đất đang tranh chấp là 3.731,8m², đơn giá là 12.000đ/1m²; tài sản trên đất tổng trị giá là: 85.550.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập đã: Căn cứ khoản 5 điều 166 Luật đất đai; căn cứ khoản 1 điều 147 khoản 1 điều 157, khoản 1, điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn anh Dương Quốc T1.

- Buộc anh Dương Quốc T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà Hoàng Thị M diện tích đất 3.731,8m², (Được giới hạn bởi các điểm ký hiệu là: 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 32, 33, 34, 20).

Diện tích đất 3.731,8m² nêu trên nằm trong tổng diện tích đất 15.000m², thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất xóm Ó xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất tên ông Hoàng Văn C1 có số K 098244 vào sổ số 01231 ngày 20 tháng 5 năm 1997.

Có sơ đồ kèm theo (Bút lục 186).

- Bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích đất nêu trên, cụ thể:

+ 1050 cây quế đường kính 5cm x 42.000đ/1 cây = 44.100.000đ

+ 450 cây quế đường kính 10 cm x 85.000đ/1 cây = 38.250.000đ

+ 23 cây gỗ mỡ đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 1.368.500đ

+ 05 cây gỗ trám đường kính từ 5- 10 cm x 283.000đ/1 cây = 1.415.000đ

+ 07 cây gỗ Lem đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 416.500đ

Tổng trị giá là: 85.550.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Dương Quốc T1 số tiền 85.550.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Dương Quốc T1 được nhận số tiền giá trị tài sản trên đất là 85.550.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Hoàng Thị M thanh toán.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 27/9/2023 bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M có đơn kháng cáo một phần nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân

huyện Yên Lập và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận thanh toán giá trị tài sản trên đất số tiền 85.500.000 đồng (T4 mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), thu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật cho ông T1.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M trong thời hạn luật định, phù hợp với qui định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc diện tích đất mà bà M khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả lại cho bà 3731,8 m², phía bị đơn cho rằng nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị T2 theo “*giấy chuyển nhượng đất đồi*” ngày 15/4/2008, tuy nhiên bà T2 cũng xác định nguồn gốc diện tích đất này là của ông C1 và bà M cho bà T2 làm nhờ, bà T2 không phải là người được quyền sử dụng thửa đất này, đây không phải là tài sản của bà T2 do vậy bà T2 không có quyền chuyển nhượng diện tích đất trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện diện tích 3731,8 m² nằm trong tổng diện tích 15.000 m², thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01 được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hoàng Văn C1 ngày 20/5/1997. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông Dương Quốc T1 phải trả lại cho bà Hoàng Thị M diện tích 3731,8 m² là có căn cứ.

Đối với các tài sản trên diện tích 3731,8 m² bao gồm: 1050 cây quế đường kính 5cm x 42.000đ/1 cây = 44.100.000đ; 450 cây quế đường kính 10 cm x 85.000đ/1 cây = 38.250.000đ; 23 cây gỗ mỡ đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây =

1.368.500đ; 05 cây gỗ tràm đường kính từ 5- 10 cm x 283.000đ/1 cây = 1.415.000đ; 07 cây gỗ Lem đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 416.500đ. Theo biên bản định giá tài sản ngày 08/8/2023 có tổng trị giá là: 85.550.000đ . Đây là tài sản hợp pháp của ông T1. Bà M không nhận các tài sản trên đất và không đồng ý thanh toán tiền cây cho ông T1. Xét thấy các cây cối lâm lộc trên đất mà chủ yếu là cây quế đã được trồng khoảng 3 - 4 năm, theo chu kỳ thu hoạch thì các cây này đã được gần ½ thời gian để thu hoạch nếu buộc ông T1 phải khai thác, di dời sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây và không còn giá trị kinh tế. Mặt khác diện tích đất này là đất lâm nghiệp mục đích sử dụng là trồng rừng gỗ (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nếu buộc ông T1 phải khai thác và di dời thì sau đó bà M cũng chỉ được sử dụng để trồng rừng gỗ. Vì vậy để đảm bảo về giá trị về kinh tế cũng như ảnh hưởng của môi trường Tòa án cấp sơ thẩm đã giao các tài sản trên đất cho bà M được quyền sở hữu các tài sản trên đất và buộc bà M phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông T1 85.550.000đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu thu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật cho ông T1 của bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M. Xét thấy ông T1 trình bày năm 2013 thực hiện chủ trương đo đạc đất đai của nhà nước nên ông T1 đã chỉ diện tích đất tranh chấp trên cho đoàn đo đạc và ghi họ tên người sử dụng đất tên ông T1 và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3731,8m². Tại phiên toà Hội đồng xét xử yêu cầu ông T1 cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T1 không cung cấp được. Tại biên bản xác minh và bản tự khai của UBND xã T, biên bản đối chất trong hồ sơ thì UBND xã T và ông T1 đều xác định ông T1 chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3731,8m² nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M - Là bị đơn và chị Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS- ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận, tuy nhiên bà M thuộc trường hợp người cao tuổi nên bà Hoàng Thị M (Người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Hoàng Thị X) được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M - Là nguyên đơn và bà Hoàng Thị X - Là người đại diện theo ủy quyền của bà M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật đất đai; Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn anh Dương Quốc T1.

- Buộc anh Dương Quốc T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà Hoàng Thị M diện tích đất 3.731,8m², (Được giới hạn bởi các điểm ký hiệu là: 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 32, 33, 34, 20).

Diện tích đất 3.731,8m² nêu trên nằm trong tổng diện tích đất 15.000m², thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất xóm Ó xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất tên ông Hoàng Văn C1 có số K 098244 vào sổ số 01231 ngày 20 tháng 5 năm 1997.

Có sơ đồ kèm theo (Bút lục 186).

- Bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích đất nêu trên, cụ thể:

+ 1050 cây quế đường kính 5cm x 42.000đ/1 cây = 44.100.000đ

+ 450 cây quế đường kính 10 cm x 85.000đ/1 cây = 38.250.000đ

+ 23 cây gỗ mỡ đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 1.368.500đ

+ 05 cây gỗ trám đường kính từ 5- 10 cm x 283.000đ/1 cây = 1.415.000đ

+ 07 cây gỗ Lem đường kính 20 cm x 59.500đ/1 cây = 416.500đ

Tổng trị giá là: 85.550.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho anh Dương Quốc T1 số tiền 85.550.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Dương Quốc T1 được nhận số tiền giá trị tài sản trên đất là 85.550.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Hoàng Thị M thanh toán.

2. Về chi phí tố tụng:

- Anh Dương Quốc T1 phải thanh toán cho bà Hoàng Thị M số tiền chi phí tố tụng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Bà Hoàng Thị M được nhận số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) do anh Dương Quốc T1 thanh toán.

Sau khi đối trừ quyền và nghĩa vụ giữa bà M và anh T1 thì bà Hoàng Thị M còn phải thanh toán cho anh Dương Quốc T1 số tiền 70.550.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Dương Quốc T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị M.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị T5 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Việt Giang

